

NHIỆM VỤ HOẰNG PHÁP CỦA VỊ SỨ GIẢ NHƯ LAI

HT.TS. Thích Giác Toàn *

I. Khái lược về hoằng pháp

Hoằng nghĩa là mở rộng, là quảng bá, truyền rộng. Pháp ở đây là Phật pháp, là giáo lý của Đức Phật. Hoằng pháp của Phật giáo là truyền bá rộng rãi Phật pháp ở khắp nơi.

Công việc hoằng pháp gồm nhiều lĩnh vực, nhiều phương tiện để Phật giáo lan truyền trong đông đảo mọi người trong các xã hội, các quốc gia. Ý nghĩa này đồng nghĩa với các chủ đề đã được nói đến khá nhiều, khá quen thuộc: Đạo Phật đi vào đời; Đạo Phật và xã hội, Đạo Phật dẫn thân; Đạo Phật nhập thế. Những lĩnh vực và phương tiện hoằng pháp là: Thuyết giảng Phật giáo, thành lập các hội Phật giáo, Phật học, phổ biến kinh sách, mở trường Phật học, truyền bá tranh tượng, báo chí, các trang web, nêu gương đạo đức... Dĩ nhiên, trí tuệ, đạo đức, kỹ năng, kiến thức Phật học, phương tiện thiện xảo của vị Tỳ-kheo, vị thuyết giảng là yếu tố cơ bản, quan trọng nhất trong sự nghiệp hoằng pháp.

Trong bài này chúng tôi sẽ đề cập đến sự việc Phật giáo càng ngày càng tỏa rộng, từ một khu vực đến một tỉnh thành, quốc gia, thế giới. Từ đó, chúng tôi sẽ trình bày về hoằng pháp tại Việt Nam mà Phật giáo Việt Nam đóng góp vào việc hoằng pháp ở các nước ngoài trong thời hiện đại. Sau cùng là một vài nhận xét như là một kết luận cho bài tham luận này.

Như ở phần giới thiệu đề tài, chúng tôi chỉ nói đến nhiệm vụ hoằng pháp của vị Tỳ-kheo mà không nhắc đến vai trò của người cư

* Phó Chủ tịch HĐTS, Viện trưởng Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.

sĩ Phật tử vốn chiếm đa số, gồm cả ngàn lần so với chư Tăng Ni nên rất quan trọng trong việc hoàng pháp. Nhiệm vụ hay vai trò của người cư sĩ có thể là một đề tài riêng, cần phải nói đến nhiều, và như thế thì ngoài phạm vi của tham luận này.

II. Sự nghiệp hoàng pháp

Sau khi đại ngộ dưới cội Bồ-đề tại Bodgada (Bồ-đề đạo tràng) thuộc nước Magadha (Ma-kiệt-đà), Đức Phật quyết định đưa giáo lý giải thoát của Ngài vào đời để cứu độ chúng sinh, đây là khởi nguồn của sự nghiệp hoàng pháp độ sinh. Ngài đến vườn Lộc Uyển ở Sarnath thuộc nước Kosala (Kiều-tát-la), đây là khởi nguồn của công cuộc hoàng pháp ra nước ngoài. Như một vị Sa-môn chân đất, áo hoại sắc, đi khắp nơi để rao giảng Phật pháp, trong 45 năm hoàng hóa, Đức Phật đã đi suốt vùng đất phía Bắc của Ấn Độ cổ, qua nhiều quốc gia khác như: Vamsa, Anga, Vajji, Malla, Gandhara, Pakala, Kamboja...

Sau khi độ cho năm vị Tỳ-kheo nhóm Kiều-trần-như, Đức Phật thu nhận khá nhiều đệ tử. Bấy giờ Ngài khởi lập Tăng đoàn Tỳ-kheo. Việc hoàng pháp trở nên mạnh mẽ cùng với lời khuyên nhủ của Ngài: *“Này các Tỳ-kheo, hãy đi đi, đi khắp nơi vì lợi lạc và hạnh phúc của số đông, do lòng từ bi đối với cuộc đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của Trời và người. Chớ đi chung đường với nhau. Này các Tỳ-kheo hãy thuyết giảng giáo pháp cao thượng lúc đầu, cao thượng ở lúc giữa, cao thượng ở lúc cuối trong tâm trí hay trong ngôn từ. Hãy rao giảng sự hoàn hảo viên mãn về đời sống thanh tịnh của trạng thái cao cả...”* (Mahavagga I, 11). Thế là chư vị Tỳ-kheo đã theo lời Phật dạy, ra đi đến các nơi để hoàng pháp.

Bấy giờ việc du hành đến các nơi xa là rất khó khăn, cũng như Đức Phật, các Tỳ-kheo phải đi bộ, rất hiếm khi được đi nhờ xe bò hay đò, đó là chưa kể phải băng rừng, lội suối. Tôn giả Phú-lâu-na đã không ngại xa xôi, văn hóa thấp kém, tính tình dữ dằn của người dân xứ Du-lãn-na, ngài vẫn xin Đức Phật để đến đó hoàng pháp và cuối cùng ngài đã cảm hóa được người dân ở Du-lãn-na, họ sống theo giáo lý của Đức Phật.

Việc xây cất tự viện không phải là hoàng pháp nhưng là phương tiện rất hữu hiệu để phục vụ cho hoàng pháp. Tự viện cũng là nơi để chư Tăng Ni tu tập, học hỏi, rèn luyện để có khả năng hoàng pháp.

Các kinh điển Đại thừa thường có ghi con số 1.250 Tỳ-kheo tham dự các pháp hội do Đức Phật giảng. Dĩ nhiên đó chỉ là con số Tăng Ni tham dự chứ không phải là tổng số Tăng Ni thời Đức Phật. Nếu tính các vị ở xa không thể đến tham dự pháp hội thì con số ấy có thể lên đến cả chục ngàn hay nhiều hơn nữa. Cứ xem các tịnh xá lớn hơn thời Đức Phật thì đủ biết lực lượng hoàng pháp lớn mạnh ở mức độ nào. Từ các am cốc ở vùng xa xôi, rừng núi đến khi giáo đoàn Tỳ-kheo đông đảo thì đã có các tịnh xá nổi tiếng là đồ sộ: Veluvarama (Trúc Lâm) ở gần Vương Xá, Pukharama (cũng ở Vương Xá) Aubapalivana (ở Tỳ-xá-ly), Marlcathrada (cũng ở Tỳ-xá-ly), Ghositarama (ở Kosambi), Jetavanarama ở (Xá-vệ), Jivakarama (ở gần Vương Xá), Nigroharama (ở Ca-tỳ-la-vệ), Isipatana (Ba-la-nại)... tính ra khoảng 20 tịnh xá lớn, lớn nhất là ba tịnh xá Jivakarama (Kỳ-bat), Jetavanarama (Kỳ-hoàn) và Ghositarama (Cù-sư-la).

Về các đại đệ tử Tỳ-kheo của Đức Phật cũng gồm cả vài chục vị mà kinh điển nhắc đến rất nhiều như: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại ca-diếp, A-nậu-lâu-đà, Đại Ca-chiên-diên, Ưu-bà-ly, A-nan... Các nữ Tôn giả như: Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Khema Liên Hoa Lâm, Kisagotami, Soma, Patacara, Dhammadina, Subhà... Trong Trưởng lão Tăng kệ có nêu hồng danh và kệ của 264 Tôn giả A-la-hán và trong Trưởng lão Ni kệ thì có 73 nữ Tôn giả A-la-hán, điều này chứng tỏ số Tăng Ni, Tỳ-kheo thời Đức Phật là rất lớn vì số lượng vị đắc A-la-hán dĩ nhiên là rất ít so với tổng số chư Tăng Ni thời ấy.

Truyền thống vì đạo và đời mà hoàng pháp vẫn tiếp tục đến ngày nay, chư Tỳ-kheo là sứ giả của Đức Như Lai, mang thông điệp giải thoát khổ đau, mang hòa bình, an lạc cho mọi người. Đến đầu thế kỷ 20, rất nhiều vị sư nổi tiếng ở châu Á như: Sri Lanka, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng đã hoàng pháp và lập chùa, Học viện Phật giáo tại châu Mỹ, châu Âu, và châu Đại Dương. Và các nhà sư Việt Nam, tính đến nay, đã sang hoàng pháp ở các nước ngoài khá nhiều, và số tự viện Phật giáo Việt Nam đã lên đến vài trăm ngôi.

III. Hoàng pháp của Phật giáo Việt Nam

Phần này chỉ sơ lược một vài nét chính của sự hoàng pháp của Phật giáo Việt Nam để tránh cho bài tham luận này vượt khuôn khổ do Ban tổ chức ấn định.

Từ thế kỷ thứ hai, Phật giáo du nhập nước ta do các nhà sư Ấn Độ đi đường biển vào và các nhà sư Trung Quốc đến châu thổ sông Hồng. Từ đó, Tăng sĩ Việt Nam bắt đầu hình thành và nhận lãnh nhiệm vụ hoàng pháp tại nước nhà. Phật giáo phát triển mạnh nhất là vào thế kỷ 11 và 12, đời Lý-Trần, gồm nhiều nhà sư uyên bác, trình độ tu chứng cao, đã hoàng pháp bằng cách thuyết giảng, nêu gương đạo hạnh và đặc biệt là để lại các tác phẩm Phật học xuất sắc tăng cường cho việc hoàng pháp cùng với số lượng Tăng Ni và tự viện đông đảo.

Phong trào chấn hưng Phật giáo từ năm 1930 cũng nhằm tăng cường hiệu quả của công cuộc hoàng pháp cho kịp với các nước ở châu Á và của hoàn cảnh của thế giới lúc bấy giờ. 50 năm tiếp theo Phật giáo Việt Nam vẫn phát triển đều đặn và từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập thì công cuộc hoàng pháp bước sang một giai đoạn mới với những thành quả to lớn.

Hiện nay, với khoảng 50 triệu tín đồ Phật giáo, 50 ngàn Tăng Ni, 20 ngàn tự viện trong đó hầu như đều được trùng tu, đại trùng tu hoặc tân lập. Tất cả các ban, ngành của Giáo hội đều nhằm phục vụ cho sự nghiệp hoàng pháp, như Ban Tăng sự, Ban Giáo dục, Ban Văn hóa, Ban Phật giáo Quốc tế, Ban Thông tin Truyền thông v.v... Và đặc biệt, Ban Hoàng pháp lấy việc hoàng pháp làm nhiệm vụ, thực hiện hoàng pháp và đào tạo các “Sứ giả của Như Lai”. Ban thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo giảng sư, có kế hoạch kết hợp với các ban khác, nhất là ban Phật giáo Quốc tế trong việc gửi chư Tăng ra nước ngoài giảng pháp, cư trú ngắn hạn hoặc dài hạn tại các nước bạn hoặc tổ chức các đoàn hành hương, chiêm bái các thắng tích, thánh tích Phật giáo kết hợp với việc giảng pháp. Hoàng pháp của Phật giáo Việt Nam hiện nay đang phát triển mạnh hơn trước, những thành quả đạt được trong nước là khả quan, nhưng việc hoàng pháp của chúng ta ở nước ngoài muốn đạt kết quả tốt thì còn phải cần thêm thời gian, khi những nhà hoàng pháp của chúng ta có những phẩm chất thích hợp với thời đại mới và có những điều kiện mới về vị thế của đất nước, của Giáo hội và của ngành Hoàng pháp.

IV. Đòi hỏi về phẩm chất của một Sứ giả Như Lai hay một vị Tỳ-kheo hoàng pháp

Như đã nói ở trên, công việc hoàng pháp có nhân tố quan trọng

nhất là con người hoàng pháp, cụ thể là vị Pháp sư, tức vị Tỳ-kheo giảng pháp, là “Như Lai sứ”, có nhiệm vụ hoàng pháp và chịu trách nhiệm về việc hoàng pháp của chính mình. Do đó, vị Sứ giả Như Lai hay một vị Tỳ-kheo hoàng pháp cần có những phẩm chất cơ bản sau đây:

- Phẩm chất đạo đức, đạo hạnh cao, gây được sự tín nhiệm, kính trọng trong quần chúng để người ta tin theo nội dung thuyết giảng. Thuyết giảng vì lòng từ bi, muốn cho mọi người được an vui, xã hội an bình, sống và sinh hoạt phù hợp với giáo lý Phật giáo. Không phân biệt mọi tầng lớp sang hèn, giàu nghèo, già trẻ, tôn giáo, tín ngưỡng. Hoàng pháp không nhằm để người không tôn giáo hay có các tôn giáo khác trở thành tín đồ Phật giáo.

- Không cực đoan trong thuyết giảng mà cho rằng Phật giáo là duy nhất đúng, không so sánh các tôn giáo với nhau hay với Phật giáo.

- Thuyết giảng phù hợp với thời đại. Nay là thời hiện đại, thời của khoa học kỹ thuật, của công nghệ 4.0 và sẽ tiến triển không ngừng. Cần liên hệ bài giảng với những vấn đề của thời đại.

- Không bao giờ tự kiêu, tự cho rằng mình thuyết giảng tốt hay đã có nhiều tác phẩm Phật học giá trị. Trái lại, một Tỳ-kheo hoàng pháp luôn luôn phải trau dồi phẩm hạnh, kiến thức, học hỏi những vị đã thành công trong việc hoàng pháp. Cần nhớ rằng chư Bồ-tát, A-la-hán cũng còn phải tu tập, học hỏi không ngừng.

- Trong trường hợp hoàng pháp ở nước ngoài, vị Tỳ-kheo cư trú ở các tự viện nước ngoài cần có ngoại ngữ căn bản để giao tiếp, thu hút người nước ngoài đến tự viện hoặc thông thạo ngoại ngữ và các thuật ngữ Phật học ngoại ngữ thì có thể trực tiếp thuyết giảng cho người bản xứ. Cần mở rộng đối tượng hoàng pháp, không chỉ cho người Việt ở hải ngoại mà còn cho quần chúng bản địa.

V. Kết luận

Sự nghiệp hoàng pháp của Phật giáo đã diễn tiến, phát triển không ngừng kể từ thời Đức Phật đến nay, từ Ấn Độ lan truyền khắp thế giới và số tín đồ Phật giáo hiện nay đã lên đến hơn nửa tỷ người so với dân số thế giới hiện nay (2019) là 7,6 tỷ người, tỷ lệ là 1/15. Con số tín đồ này là chưa chính thức vì còn khá nhiều quốc gia chưa thống kê.

Riêng tại Việt Nam, với dân số 90 triệu người, có khoảng 45 triệu tín đồ Phật giáo, tỷ lệ là 1/2. Do đó Việt Nam là một trong số ít quốc

gia có tỷ lệ tín đồ Phật giáo cao nhất so với dân số. Từ đó, có thể kết luận hoàng pháp tại Việt Nam đã có thành quả tốt đẹp. Tuy vậy, công cuộc hoàng pháp ở các nước ngoài, với số người Việt ở hải ngoại là 3,5 triệu người và với khoảng hơn 300 tự viện của Phật giáo Việt Nam, chưa nói đến việc thu hút người ngoại quốc đến với Phật giáo thì hoàng pháp của chúng ta ở hải ngoại cần phát triển nhiều hơn nữa.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Chơn Thiện, *Tăng-già thời Đức Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2.000.
2. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập I, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1979
3. Ban Hoàng pháp, “*Tham luận tại Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần VIII*”, phatgiao.org.vn
4. HT. Thích Trí Quảng, *Những bài giảng về Hoàng pháp và Trụ trì*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2002
5. Ven. Master Hsing Yun, *The Propagation of Buddhism; Unity for Peace*, buddhism.lib.edu.tw
6. Ven. Thalgaswewe Thera, *The Propagation of Buddhism in Foreign Lands*, paramadhamma.org